

Số: 283/2022/QĐST-DS

Thành phố Huế, ngày 10 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 231/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022.

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyên Phúc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Đặng Thị Mỹ T phải trả cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyên Phúc số tiền nợ gốc và lãi là: 460.473.333 đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), trong đó nợ gốc 400.000.000 đồng và nợ lãi chậm trả cho đến khi thi hành án xong với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự là 10%/năm (Tương ứng 0.83%/tháng) tạm tính đến ngày khởi kiện 05/8/2022 là 60.473.333 đồng. Nhưng tại phiên hòa giải ngày 02/11/2022, nguyên đơn đã rút một phần nợ gốc là 7.000.000 đồng và toàn bộ lãi là 60.473.333 đồng, tổng cộng 67.473.333 đồng (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), chỉ yêu cầu bị đơn là bà Đặng Thị Mỹ T trả cho nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyên Phúc số tiền nợ gốc là: 393.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi ba triệu đồng).

XÉT THẤY:

Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật nên cần chấp nhận. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút, nguyên đơn không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu đã rút. Nên các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyên Phúc; địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố 9, khu vực 5, phường An T, thành phố H, tỉnh H;

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị Kim L, chức vụ: Giám đốc;

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn P và bà Hoàng Thị H; địa chỉ liên hệ: Số 56A đường Đ, phường Đ, thành phố H, tỉnh H (Theo văn bản ủy quyền số 02/UQ-NP ngày 05/9/2022).

* Bị đơn: Bà Đặng Thị Mỹ T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 12B (Phủ Thoại Thái) đường C, phường G, thành phố H, tỉnh H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Bà Đặng Thị Mỹ T công nhận còn nợ của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyên Phúc số tiền nợ gốc là **393.000.000 đồng** (Ba trăm chín mươi ba triệu đồng). Không tính lãi suất.

2.2. Về phương thức và thời gian trả nợ: Bà Đặng Thị Mỹ T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyên Phúc cụ thể như sau:

Lần 1: Đến ngày 02/02/2023, bà Đặng Thị Mỹ T phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyên Phúc số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);

Lần 2: Đến ngày 02/5/2023, bà Đặng Thị Mỹ T phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyên Phúc số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);

Lần 3: Đến ngày 02/8/2023, bà Đặng Thị Mỹ T phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyên Phúc số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);

Lần 4: Đến ngày 02/11/2023, bà Đặng Thị Mỹ T phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyên Phúc số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);

Lần 5: Đến ngày 02/02/2024, bà Đặng Thị Mỹ T phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyên Phúc số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);

Lần 6: Đến ngày 02/5/2024, bà Đặng Thị Mỹ T phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyên Phúc số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);

Lần 7: Đến ngày 02/8/2024, bà Đặng Thị Mỹ T phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyên Phúc số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);

Lần 8: Đến ngày 02/11/2024, bà Đặng Thị Mỹ T phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyên Phúc số tiền là 43.000.000 đồng (Bốn mươi ba triệu đồng).

Trường hợp bà Đặng Thị Mỹ T vi phạm bất kỳ lần trả nợ nào thì Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyên Phúc có quyền yêu cầu bà Đặng Thị Mỹ T phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút một phần nợ gốc và toàn bộ lãi là: 67.473.333 đồng (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), nguyên đơn không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu đã rút.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu: **393.000.000 đồng x 5% : 2 = 9.825.000 đồng** (Chín triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Hai bên đương sự thỏa thuận bà Đặng Thị Mỹ T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cụ thể:

- Bà Đặng Thị Mỹ T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là: **9.825.000 đồng** (Chín triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyên Phúc không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là **11.209.000 đồng** (Mười một triệu hai trăm lẻ chín nghìn đồng) mà Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyên Phúc đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004597, ngày 18/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Huỳnh Trọng Cẩn